

Bản án số: **41/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 04-8-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Ông Lê Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị G, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 6 B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 19/4/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh và chị Trần Thị G chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn nhưng Ủy ban nhân dân xã BA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang chưa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Anh và chị Trần Thị G chung sống với nhau có 02 con chung tên: Võ Đặt Th, sinh ngày 30/5/2005 và Võ Như Ng, sinh ngày 19/5/2010

hiện nay đang chung sống với anh; về tài sản chung, anh và chị Trần Thị G không có tài sản chung; về nợ, anh và chị Trần Thị G không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh và chị Trần Thị G sống không hòa hợp, không thống nhất việc làm ăn kinh tế trong gia đình, thường xuyên cự cãi với nhau, sống không hạnh phúc, anh và chị Trần Thị G cố gắng chung sống để nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị G. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Đặt Th và Võ Như Ng, anh không yêu cầu chị Trần Thị G cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Trần Thị G không có tài sản chung, anh cam kết anh chị không có nợ, anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án ngày 19/7/2022, bị đơn chị Trần Thị G trình bày như sau:*

Chị Trần Thị G có công việc gia đình, chị không tham gia giải quyết vụ án được, nay chị làm đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

** Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 24/5/2022, Võ Đặt Th trình bày:*

Võ Đặt Th là con của anh Võ Văn T và chị Trần Thị G, địa chỉ: ấp 6 B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, từ khi cha và mẹ của Võ Đặt Th không còn chung sống với nhau thì Võ Đặt Th sống chung với cha là anh Võ Văn T. Nếu mẹ cha của Võ Đặt Th ly hôn, thì Võ Đặt Th có nguyện vọng chung sống với cha là anh Võ Văn T, địa chỉ: ấp 6 B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

** Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 24/5/2022, Võ Như Ng trình bày:*

Võ Như Ng là con của anh Võ Văn T và chị Trần Thị G, địa chỉ: ấp 6 B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, từ khi cha và mẹ của Võ Như Ng không còn chung sống với nhau thì Võ Như Ng sống chung với cha là anh Võ Văn T. Nếu mẹ cha của Võ Như Ng ly hôn, thì Võ Như Ng có nguyện vọng chung sống với cha là anh Võ Văn T, địa chỉ: ấp 6 B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

** Tại biên bản xác minh ngày 25/5/2022, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Võ Văn T và chị Trần Thị G cùng cư trú tại ấp 6 B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau và đã ly thân cách nay khoảng 03 tháng.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Căn cước*

công dân tên Võ Văn T, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn Võ Văn T và Trần Thị G; Giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/5/2022 của anh Võ Văn T; Đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 18/4/2022 của anh Võ Văn T; 02 Giấy khai sinh Võ Đặt Th và Võ Như Ng; Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 18 tháng 4 năm 2022 anh Võ Văn T; 02 Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Võ Đặt Th và Võ Như Ng.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Võ Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị G, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Đặt Th và Võ Như Ng, anh không yêu cầu chị Trần Thị G cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ, anh xác định anh và chị Trần Thị G không có tài sản chung, anh cam kết anh chị không có nợ, anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị G có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Võ Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị G và nuôi con, nhưng anh chị chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đề nghị Hội đồng xử xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Đặt Th và Võ Như Ng theo nguyện vọng của các con anh chị, nhưng chị Trần Thị G không có ý kiến yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Võ Văn T và ghi nhận ý kiến

nguyện vọng của các con anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Võ Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ, anh Võ Văn T xác định không có, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Võ Văn T yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Trần Thị G và tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều nơi cư trú tại: ấp 6 B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị G biết và ấn định thời gian để chị có ý kiến về việc anh Võ Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với chị nhưng chị Trần Thị G không có ý kiến, yêu cầu gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Trần Thị G vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Trần Thị G, thì chị Trần Thị G có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay anh Võ Văn T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị G theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Võ Văn T và chị Trần Thị G chung sống với nhau vào năm 2001, đến nay anh chị chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi anh chị cư trú*) cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Võ Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị G thì chị Trần Thị G không có ý kiến, yêu cầu gì, do anh chị

chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Văn T và chị Trần Thị G là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Võ Văn T và chị Trần Thị G chung sống với nhau có 02 người con chung tên: Võ Đặt Th, sinh ngày 30/5/2005 và Võ Như Ng, sinh ngày 19/5/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung theo nguyện vọng của các con anh chị và chị Trần Thị G không có ý kiến yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, trình bày và yêu cầu của anh Võ Văn T phù hợp với nguyện vọng của các con anh chị nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của anh Võ Văn T và nguyện vọng của các con anh chị, giao 02 người con chung của anh chị tên: Võ Đặt Th, sinh ngày 30/5/2005 và Võ Như Ng, sinh ngày 19/5/2010 cho anh Võ Văn T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Võ Văn T không yêu cầu chị Trần Thị G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Anh Võ Văn T tự xác định không có, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Văn T và chị Trần Thị G là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung của anh chị tên: Võ Đặt Th, sinh ngày 30/5/2005 và Võ Như Ng, sinh ngày 19/5/2010 cho anh Võ Văn T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con anh chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Văn T không yêu cầu chị Trần Thị G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Võ Văn T tự xác định, không có, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Buộc anh Võ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004820 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Võ Văn T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 04/8/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

Trần Văn Thảo